

CẤU TRÚC THÔNG TIN CỦA CÂU TRONG VIỆC DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

Nguyễn Chí Hoà^(*)

Ngũ Thiện Hùng^(**)

1. Những người học tiếng Việt cần đạt được một số kỹ năng quan trọng, bao gồm khả năng hình thành và lĩnh hội được nội dung xác định của câu. Họ cần có một sự nhạy cảm đối với các tập quán thực tế và văn hoá vốn dĩ rất khác biệt với họ. Họ cần nhận biết các cách hình thành nội dung xác định của câu tiếng Việt theo đúng những qui tắc ngữ pháp, chỉ ra được chức năng thông tin của các thành phần khác nhau trong câu.

2. Kỹ năng đầu tiên trong số đó là việc hình thành và hiểu được nội dung xác định của câu. Người nói và người viết thường phải chú ý đến bất kỳ tri thức nào có liên quan mà thính giả hoặc độc giả của họ đã có. Một số điều họ nói phải là thông tin mới đối với thính giả. Nhưng các thông tin khác được nhắc đến là những thông tin "cũ" có thể cần đến để làm cơ sở cho nội dung mới. Người nghe phải có khả năng xác định trọng tâm của mỗi câu và cơ sở của mỗi câu là gì, cũng như cần hiểu được sự liên kết nào đó giữa điều được nói trước và điều được nói sau.

Chẳng hạn, chúng ta có ví dụ sau đây:

VD1: *Họ tìm ra cả chữ viết nữa.*

Câu trên đây có chủ ngữ đồng thời là "đề" và mang thông tin cũ. Về phương diện ngữ pháp, chúng ta dễ dàng hiểu rằng "họ" là chủ ngữ. Đây là "đề" điểm xuất phát của phát ngôn. Thông tin trong "họ" là một thông tin cũ vì nó là đại từ hồi chỉ. Chúng ta hoàn toàn có thể giả định rằng "họ" là người đã được đề cập tới trước đó. Ví dụ tương tự được nêu ra ở dưới đây :

VD2: *Anh ấy đã mang đến cho chị biết bao hạnh phúc.*

Trong câu (2), thông tin cũ được biết qua ngữ cảnh là "anh ấy" "chị". Đề của phát ngôn là "anh ấy" điểm xuất phát của thông báo. Nhưng thông tin cũ còn nằm trong bổ ngữ gián tiếp "chị". Như vậy thông tin cũ không chỉ nằm ở phần đề mà nó còn nằm ở cả phần thuyết. Nếu xét về mối quan hệ giữa thành phần mang thông tin mới, thông tin

(*) TS, Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN

(**) NCS, Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN

cũ và quan hệ ngữ pháp lại thấy rằng: Chủ ngữ có thể không đồng nhất với thông tin cũ và vị ngữ không đồng nhất với thông tin mới. Ví dụ :

VD3: *Cơm của quan như nước cànch dương, nó đã rửa cho cái nước da đen giòn của chị thành ra màu da trắng nõn.*

Trong ví dụ trên, "Cơm của quan" như một thông tin cũ được biết qua ngữ cảnh. Chủ ngữ trong câu là "nó". "Nó" được tồn tại như một chủ ngữ hình thức. "Cái nước da đen giòn của chị" được hiểu như một thông tin cũ trong khi thành phần này lại mang chức năng khởi ngữ theo quan điểm của một số tác giả. Và chúng ta có thể thấy: *Cơm của quan như nước cànch dương* là phần nêu, là "đề" của phát ngôn còn *"nó đã rửa cho cái nước da đen giòn của chị thành ra màu da trắng nõn"* là phần báo- phần thuyết của phát ngôn.

Trong khi đó chủ ngữ trong câu dưới đây lại là một thông tin mới:

VD4: *Một tên cướp đã đe dọa đốt cháy trạm sửa chữa ô tô trước khi tẩu thoát với số lượng lớn tiền mặt.*

"Một tên cướp" trong ví dụ trên không được xác định trong ngữ cảnh. Xét với tiêu chí "đề" thì có thể coi nó là "đề" nếu hiểu đề như là cái xuất phát của phát ngôn. Trong phát ngôn này là một thông tin mới. Nó đồng thời là phần nêu còn *"đã đe dọa đốt cháy trạm sửa chữa ô tô trước khi tẩu thoát với số lượng lớn tiền mặt"* là thuyết.

Do đó, có thể đưa ra nhận xét: thông tin có những chức năng khác nhau, được thể hiện qua các hình thức ngôn ngữ khác nhau. Một câu có thể được xem xét trên nhiều bình diện khác nhau. Mỗi kiểu thông tin cũ/mới có những hình thức ngữ pháp khác nhau. *Các dạng ngữ pháp có thể chỉ ra ba chức năng thông tin chủ yếu, nằm trong sự đối lập:*

- a) Chức năng xác định trạng thái thông tin: thông tin cũ đối lập với thông tin mới.
- (b) Chức năng xác định nêu/báo: nội dung được đề cập đến đối lập với nội dung được khẳng định.
- (c) Chức năng xác định đề-/ thuyết: điều mà người nói hoặc người viết nói về, đối lập với thông tin được khẳng định về đề.

Ba chức năng thông tin này dường như thường xuyên thấm vào nhau, chồng chéo lên nhau. Đề và *thông tin cũ* không đồng nhất với nhau. Trong khi thông tin ở đề luôn luôn là thông tin cũ, lại có thể có cả thông tin cũ ở ngoài. **Thông tin mới** được khẳng định ở **phần báo hay là thuyết** và nó diễn đạt thông điệp chính của người nói dành cho câu hoặc thông tin được coi là có liên quan đến thông tin chính.

2. 1. Về hình thức ngữ pháp của thông tin thì lại thấy: Tiếng Việt sử dụng các dạng ngữ pháp khác nhau để hình thành thông tin bằng cách làm rõ trạng thái thông tin. Những người học tiếng Việt, do đó, cần phải nhận biết những dấu hiệu do các hình thức ngữ pháp đưa lại để hiểu thông tin cũ và thông tin mới trong câu.

Một hình thức ngữ pháp thường được sử dụng để mã hoá thông tin cũ là cụm danh từ xác định. Xét ví dụ

VD5: *Các loại rượu trên* đòi hỏi một sự pha chế rất công phu.

Người viết câu trên đã bắt đầu bằng cụm danh từ xác định *Các loại rượu trên* và cụm danh từ này đã xác định cho người đọc được rượu mà anh ta đề cập là loại rượu nào. Thay thế cho ngữ đoạn trên, người viết có thể viết bằng câu sau:

Có những loại rượu đòi hỏi một sự pha chế rất công phu.

Trong tiếng Việt khi sử dụng dưới dạng "*Các loại rượu trên*" đòi hỏi một sự pha chế rất công phu" giả định rằng người nói đã phần nào biết được *Các loại rượu trên* nằm trong sự tiếp tục nội dung bàn về *các loại rượu* đang bàn. Nhưng nếu người ta viết "*Có những loại rượu* đòi hỏi một sự pha chế rất công phu" thì người nói giả định những thông tin mà anh ta trình bày được cắt đoạn đối với quá khứ hoặc người nói giả định rằng *có những loại rượu* mà người nghe được biết đến như là lần đầu tiên.

Chúng ta hãy xét tiếp các ví dụ dưới đây :

VD6: *Giữa cánh đồng ấy, đang đi một bóng đen nhỏ nhắn loạng choạng và cô đơn.*

VD7: *Tôi gặp đám ma một em nhỏ. Tôi đi qua quan tài, đầu cúi xuống, chẳng nhìn ai.*

VD8: *Chương trình trợ cấp này đã mang rất nhiều điều kiện thuận lợi*

VD9: *Đêm thứ hai, rồi đêm thứ ba cũng vậy.*

VD10: *Một ông vua có một người con trai độc nhất.*

Trong ví dụ 6 "*Giữa cánh đồng ấy, đang đi một bóng đen nhỏ nhắn loạng choạng và cô đơn*". Thông tin về "cánh đồng" là thông tin cũ phần này tương ứng với đề của hát ngôn. Phần còn lại của câu mang thông tin mới. Như vậy, đại từ chỉ định trong tiếng Việt là một đơn vị cho người ta nhận diện ra "đề". Phần nêu của phát ngôn này đồng nhất với thông tin cũ và "đề" của câu. Nếu chúng ta thừa nhận rằng trong tiếng Việt có chủ ngữ đứng sau thì chủ ngữ trong trường hợp này là "*một bóng đen nhỏ nhắn loạng choạng và cô đơn*." Và như thế, "phần báo" là vị ngữ sẽ gọi ra rằng người tạo ra quen thuộc với đối tượng đó.

Trong ví dụ 6, người Việt đã giả định có thể đúng có thể sai rằng người đọc hiểu: "*Giữa cánh đồng ấy*" là cánh đồng nào. Chúng ta lại thấy trong ví dụ 7 "*Tôi gặp đám ma một em nhỏ*". Trong ví dụ này, "*một em nhỏ*" như một thông tin mới khi

xác định trong phát ngôn. Qua hai ví dụ (6+7) trên có thể rút ra một nhận xét rằng (a) vị trí cuối của phát ngôn thường là mang thông tin mới. (b) "Một" trong tư cách một "quán từ" có giá trị khẳng định thông tin mới này. Điều tương tự như vậy có thể thấy trong ví dụ 10: *Một ông vua có một người con trai độc nhất.*

Chức năng của cụm danh từ "*Chương trình trợ cấp này*" trong VD8: "*Chương trình trợ cấp này đã có rất nhiều điều kiện thuận lợi*" là phần "nêu" của phát ngôn. Nó đề cập đến một tình huống đã quen thuộc với người đọc hoặc người nghe. Người viết đã khẳng định trong phần báo "*đã mang rất nhiều điều kiện thuận lợi*". Thông tin mới ở đây liên quan đến "*Chương trình trợ cấp này*".

Như vậy, thông tin cũ được đề cập đến là điều mà người nói định thông báo điều gì đó về nó. Thông tin mới như là cốt lõi của câu, dẫn giải về đề. Ba loại chức năng nêu ở trên tương ứng với nhau. Mọi phát ngôn được tổ chức để thông báo cả thông tin cũ và mới. Phát ngôn phải có cái được đề cập đến và phải có cái khẳng định về nó. Thông tin cũ cần thiết để thông tin mới được hiểu một cách đầy đủ. Chức năng thông tin đặc trưng của một cụm danh từ là chức năng đề cập (nêu), trong khi động từ thực hiện chức năng khẳng định (báo). Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi các cụm danh từ, đặc biệt là các cụm danh từ xác định, thường mã hoá thông tin cũ, trong khi các cụm vị ngữ trong tiếng Việt thông báo thông tin mới.

Hãy xem xét các cụm danh từ và các động từ trong câu sau đây:

VD 11a: *Bố của bạn đã nhìn thấy một tên trộm rời khỏi nhà đó.*

Hai cụm danh từ trình bày thông tin cũ là: "Bố của bạn", "ngôi nhà đó". Người nói, người nghe đã biết "bố của bạn" là một người xác định và "ngôi nhà" được đề cập đến cũng đã rõ. Đó là những cụm danh từ xác định. Cụm danh từ thứ ba "*tên trộm*" trình bày thông tin mới. Trong tiếng Việt "một tên trộm" như một thông tin mới chưa được xác định. Nó khác biệt với "tên trộm này", là đơn vị xác định. Nó mang thông tin cũ. Như vậy, đại từ chỉ định "này" "đó" "ấy" như là những phương tiện biểu thị thông tin cũ trong tiếng Việt. Nếu "này" được sử dụng để thay thế "một" thì cụm danh từ ấy cũng sẽ trình bày thông tin cũ:

VD11b: *Bố của bạn đã nhìn thấy tên trộm này rời khỏi nhà đó.*

Mặc dầu "*một tên trộm*" trong (11a) là thông tin mới, thì người nói cũng không khẳng định sự tồn tại của một tên trộm là mới mà là việc người cha chứng kiến sự rời khỏi của tên trộm mới là thông tin mới. Các dấu hiệu trung tâm của trạng thái thông tin mới là hai cụm động từ "(đã) nhìn thấy rời khỏi".

Chức năng xác định nội dung cũ hay mới, do đó, liên quan rất gần với chức năng chỉ rõ sự đề cập và sự khẳng định nêu và báo. Chức năng thứ ba là

phân biệt đề và thuyết. Các ví dụ đã nêu ở trên không chỉ cho chúng ta thấy thật rõ ràng về “đề” và “thuyết”, bởi vì tiếng Việt thường không nêu ra đề và thuyết theo đúng ngữ pháp. Để biết chắc chắn về “đề”, chúng ta cần biết nhiều hơn về ngữ cảnh mà trong đó câu được tồn tại.

2.2. Vị trí đầu của câu gắn bó chặt chẽ với "thông tin cũ" - "đề" - chủ ngữ. Trong tiếng Việt, thông tin cũ có xu hướng đi trước thông tin mới. Cụm "đề" luôn luôn là thông tin cũ, và khi các cụm đề xuất hiện, chúng chiếm vị trí đầu tiên trong câu. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các "đề" chiếm vị trí đó. Vị trí đầu của câu là một vị trí nổi bật, một vị trí tốt cho “điều mà câu đó nói về”- đề của phát ngôn.

Tuy nhiên vị trí đầu câu cũng có các tác dụng khác:

[1] Vị trí đầu câu thường được chiếm cứ bởi các cụm phó từ hoặc các mệnh đề chỉ thời gian hoặc nơi chốn như :

VD12: *Trong phút chốc* không ai di chuyển hoặc lên tiếng.

[2] Những từ liên kết đơn giản giữa các câu riêng biệt cũng thường gặp ở vị trí đầu của câu. Chúng chỉ ra các mối quan hệ logic của sự tương phản, sự minh họa, sự tạo thành...

VD13: *Tuy vậy* buổi chiều hôm đó các vũ công không thể nào ngừng nói chuyện về bóng ma Opera.

VD14: *Ấy thế mà* tôi cũng bán!

VD15: *Thật ra thì* Điền chán lắm. Điền chẳng muốn lấy bốn cái ghế tí nào.

Trong tiếng Việt, người ta thường dùng những từ cảm thán ở đầu câu kiểu :

VD16: *Chao ôi!* Trăng đẹp lắm!

Vị trí đầu câu cũng là vị trí của các từ liên kết – cụm từ hay mệnh đề định hướng, chỉ ra hướng mà đoạn văn sẽ nói tới. Trong phần mở đầu có thể gắn kết với những thông tin đi trước hoặc thông tin ngữ cảnh :

VD17: *Những lúc ấy,* bà mỉm cười một nụ cười độ lượng.

VD18: *Nghe thế,* hai người liền ra mặt hăm hăm.

Sự xuất hiện của những dạng ở đầu câu này không loại trừ khả năng nó là một cụm đề. Trong thực tế, những dạng này thường được tiếp nối bởi một đề.

3. Trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ việc phân tích câu như đã được tiến hành ở trên là rất cần thiết. Nó giúp cho sinh viên tri nhận câu một cách toàn diện. Đồng thời, giúp họ tạo ra những câu chuẩn theo qui tắc tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dân, *Logic và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
2. Nguyễn Anh Quế, *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
3. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2002.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N₀4, 2002

INFORMATION STRUCTURE, APPLY IT FOR TEACHING VIETNAMESE AS FOREIGN LANGUAGE

Nguyen Chi Hoa, Ngu Thien Hung

*Department of Vietnamese Language and Culture for Foreigners
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

This article has dealt with the ways Vietnamese grammar packages propositional content so as to indicate three information of the various constituents of a sentence. The first is the information status of the part of the content package. The content may be assumed by the speaker to be new to the addressee or old, that is, already known to the addressee but

Included to provide necessary background. The second is reference/ assertion function. Utterances are typically intended to assert something, but to communicate the assertion, the speaker needs to refer to contextualizing information. The key category for communicating assertion is the verb phrase, while that for marking references is noun phrase. The third function is indicated by the topic/comment split. The topic is what the speaker or writer intends a sentence to be about, while comment is what is asserted about that topic. The topic is always old information and a topic noun phrase must be either definite or generic.